

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN SÓC SƠN
T.P HÀ NỘI
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2021

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Ý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Đoan – Là cán bộ hưu.

2. Ông Vũ Anh Chi – Là cán bộ hưu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, T phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 690/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

(Có mặt chị B, vắng mặt anh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo @-n khởi kiện xin ly h«n ngày 03/11/2020, bản tự khai ngày 20/11/2020, biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên @-n là chị Nguyễn Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2005 chị và anh Nguyễn Văn T tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Sau khi kết hôn anh chị sống ở P, Đ, Sóc Sơn, Hà Nội. Ngày 23/8/2016 chị và anh T đến trụ sở UBND xã Đ, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội làm

thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, từ đó đến nay thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh T lại có tính gia trưởng nên vợ chồng thường xuyên cãi, đánh chửi nhau. Vợ chồng anh chị đã tự hòa giải và được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng đều không T, đến nay hai bên đã mất lòng tin ở nhau. Chị nghi ngờ anh T phá kết sắt của gia đình để lấy tiền đi chi tiêu cá nhân nên đã trình báo công an để giải quyết, nhưng sau đó vì không muốn vụ việc sẽ ảnh hưởng xấu đến các con nên chị đã rút đơn trình báo. Chị và anh T đã chính thức sống ly thân từ tháng 03/2020 đến nay. Trong thời gian ly thân anh T đã đến nhà bố mẹ chị để đón chị về đoàn tụ nhưng chị thấy chị và anh T không thể tiếp tục chung sống nên chị không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Quang D sinh ngày 22/9/2005 và Nguyễn Trà M sinh ngày 22/9/2012, không có con riêng. Cả hai con chung đang sống cùng anh T ở P, Đ, Sóc Sơn, Hà Nội. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu M cho chị trực tiếp nuôi dưỡng để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Chị đang làm công nhân ở công ty cổ phần Môi trường Đô thị Sóc Sơn, ngoài ra chị còn làm thêm các công việc phụ khác. Thu nhập bình quân của chị là 10.000.000 đồng/tháng. Nếu tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng bố mẹ chị cam đoan tạo điều kiện cho mẹ con chị ở ổn định và phụ giúp chị chăm sóc con nhỏ. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020 và Đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng bị ®-n là anh Nguyễn Văn T tr×nh b×y:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh và chị Nguyễn Thị B được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 23/8/2016 tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị chung sống ở thôn P, xã Đ, Sóc Sơn, Hà Nội. Cuộc sống hạnh phúc đến tháng 03/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị B nghi ngờ anh lấy tiền để đi chơi bời. Anh đã giải thích nhưng chị B không tin nên vợ chồng hay cãi nhau. Từ tháng 03/2020 chị B đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở P, Đ, Sóc Sơn, Hà Nội sống, anh chị sống ly thân từ đó tới nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh và cháu D (con chung của anh và chị B) đã đến xin lỗi và đón chị B về đoàn tụ nhưng chị B không về. Nay chị B xin ly hôn quan điểm anh là anh không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh về đoàn tụ để anh có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và cùng nhau nuôi dạy các con chung. Anh đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng anh không đến Tòa án làm việc và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, đề nghị

Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang D sinh ngày 22/9/2005 và Nguyễn Trà M sinh ngày 22/9/2012, không có con riêng. Cả hai con chung đang sống cùng anh và khỏe mạnh. Nếu phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đang làm lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng là 07 triệu đồng. Về cấp dưỡng cho con: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu cần chia anh sẽ yêu cầu sau.

Tại phiên tòa chị B giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao cháu M cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, vay nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sĩ diÖn ViÖn kiÖm s,t tham gia phiên toạ ph,t biÖu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết; xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án, giao thông báo thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ và đúng quy định pháp luật; Vụ án được giải quyết đúng thời hạn; Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án, phiên tòa diễn ra đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, 35, 39 và khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015, nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B.

1. Về tình cảm: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quang D sinh ngày 22/9/2005 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Trà M sinh ngày 22/9/2012 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh chị đều cùng không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, công sức đóng góp, công nợ chung: Anh chị không đề nghị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị B phải chịu mức án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn và nuôi con. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn T cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội. Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 23/8/2016 tại trụ sở UBND xã Đ, Sóc Sơn, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 23/8/2016 của UBND xã Đ, Sóc Sơn, Hà Nội) nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh T không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ. Xét yêu cầu ly hôn của chị B Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Qua xác minh tại chính quyền cũng như trình bày của đương sự được biết: Vợ chồng anh chị đã không còn tin tưởng, gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù anh chị đã tự hòa giải và được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng quan hệ vợ chồng không được cải thiện. Bản thân anh T không thực sự chủ động, tích cực bảo vệ cuộc hôn nhân của mình, không đến Tòa án để hòa giải nên Tòa án không tổ chức hòa giải cho anh chị được. Đến nay anh chị vẫn sống mỗi người một nơi. Như vậy có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị B, cho chị B được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Quang D sinh ngày 22/9/2005 và Nguyễn Trà M sinh ngày 22/9/2012. Ly hôn, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M để anh T nuôi cháu D. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Hai con chung đều trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng cả anh T và chị B. Xét nguyện vọng nuôi con của anh chị và các cháu Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa T niên sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của người làm cha, làm mẹ nên nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng. Thực tế chị B và anh T đều có khả năng nuôi được con. Do đó để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự HĐXX nhận thấy cần giao cho anh chị mỗi người nuôi dưỡng một con chung. Xét thấy cháu Trà M là con gái, lại còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp từ người mẹ nên giao cháu Trà M cho chị B trực nuôi dưỡng, để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của các bên đương sự.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp, công nợ chung: Anh chị không nên đề nghị nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vấn đề cần lưu ý.

Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xö:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B, cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. **Về con chung:** Xác định chị B và anh T có hai con chung là Nguyễn Quang D sinh ngày 22/9/2005 và Nguyễn Trà M sinh ngày 22/9/2012. Giao con chung Nguyễn Trà M cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Quang D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết cấp dưỡng cho con trong vụ án này.

Chị B, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh và chị thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, công nợ chung: Chị B, anh T không đề nghị nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí lý hôn nhân thêm. Số tiền này được trả vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị nộp theo biên lai số AA/2018/0019224 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án thêm. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

- Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sóc Sơn, Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn, Hà Nội;
- UBND xã Đ, Sóc Sơn, Hà Nội;
- Lưu: Văn Phòng, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN _ CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Ý